

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

- Bị đơn: Anh Phan Văn V - Sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh V chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2012 tại UBND xã Nguyễn Huân. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Hoàng Dự sinh ngày 09/6/2013, hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn nguyện vọng của cháu Dự ở với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn V nhưng anh V không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T khai sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V không có ý kiến phản đối, anh cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T, thể hiện qua việc nhiều lần Tòa án triệu tập hòa giải và xét xử, anh đều không tham gia. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị và anh V ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Phan Hoàng Dự sinh ngày 09/6/2013, hiện cháu đã trên 7 tuổi, cháu Dự đang sống cùng chị T, nguyện vọng của cháu là sau khi ly hôn được tiếp tục sống cùng mẹ, anh V không phản đối, không có yêu cầu được nuôi con, do vậy cần tiếp tục giao cháu Dự cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét buộc anh V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, anh V không phản đối nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phan Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng Dự sinh ngày 09/6/2013 cho chị Trần Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn V không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0002819 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Trâm

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Ảnh

Trần Công Đoàn

Lâm Ngọc Trâm

